



VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải

Thông tư số 41/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 được bãi bỏ một phần bởi:

Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.
2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải tại các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Mã số các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải

1. Quản lý dự án hàng hải hạng I Mã số: V.12.41.01
2. Quản lý dự án hàng hải hạng II Mã số: V.12.41.02
3. Quản lý dự án hàng hải hạng III Mã số: V.12.41.03
4. Quản lý dự án hàng hải hạng IV Mã số: V.12.41.04

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

¹ Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.”.

3. Có ý thức trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi; đoàn kết, sáng tạo, tự nâng cao trình độ, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi kiến thức mới; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác; tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Quản lý dự án hàng hải hạng I - Mã số: V.12.41.01

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của chủ đầu tư và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định;

b) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án, mục tiêu chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý dự án;

c) Chủ trì biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý dự án hàng hải;

d) Chủ trì tổ chức hướng dẫn, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý dự án hàng hải;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Am hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức quản lý về ngành, chiến lược, quy hoạch, phát triển ngành hàng hải;

b) Am hiểu hệ thống các kiến thức quản lý hành chính nhà nước; quản lý dự án đầu tư xây dựng lĩnh vực hàng hải;

c) Nắm vững các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế về công tác quản lý dự án chuyên ngành hàng hải; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp và đề xuất các phương pháp để hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

đ) Có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án hàng hải;

e) Có năng lực tổ chức thực hiện, tổng hợp các vấn đề thực tiễn đặt ra và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực quản lý dự án hàng hải; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4.² (được bãi bỏ)

Điều 5. Quản lý dự án hàng hải hạng II - Mã số: V.12.41.02

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ của chủ đầu tư và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định;

b) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án, mục tiêu chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý dự án;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý dự án hàng hải;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức hướng dẫn, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

đ) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý dự án hàng hải;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức quản lý về ngành, chiến lược, quy hoạch, phát triển ngành hàng hải;

b) Nắm vững hệ thống các kiến thức quản lý hành chính nhà nước; quản lý dự án đầu tư xây dựng lĩnh vực hàng hải;

c) Nắm vững các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế về công tác quản lý dự án chuyên ngành hàng hải; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

d) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án hàng hải;

đ) Có năng lực tổ chức thực hiện, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển trong lĩnh vực quản lý dự án hàng hải; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. ³ (được bãi bỏ)

Điều 6. Quản lý dự án hàng hải hạng III - Mã số: V.12.41.03

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia thực hiện các nhiệm vụ của chủ đầu tư và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định;

b) Tham gia xây dựng đề tài, đề án, mục tiêu chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý dự án;

c) Tham gia biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý dự án hàng hải;

d) Tham gia thực hiện hướng dẫn, tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến kiến thức trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024

đ) Tham gia thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý dự án hàng hải;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kiến thức quản lý về ngành, chiến lược, quy hoạch, phát triển ngành hàng hải;

b) Có khả năng hệ thống các kiến thức quản lý hành chính nhà nước; quản lý dự án đầu tư xây dựng lĩnh vực hàng hải;

c) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động quản lý dự án hàng hải;

d) Có khả năng tổng hợp báo cáo, phối hợp hoạt động, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực triển khai công việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. ⁴ **(được bãi bỏ)**

Điều 7. Quản lý dự án hàng hải hạng IV - Mã số: V.12.41.04

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia xây dựng và thực hiện chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, tổ chức thống kê lưu trữ các tài liệu dự án theo quy định;

c) Phối hợp tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ của công tác quản lý dự án;

⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024

d) Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý dự án hàng hải;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kiến thức quản lý về ngành, chiến lược, quy hoạch, phát triển ngành hàng hải;

b) Có khả năng tổng hợp báo cáo, phối hợp hoạt động, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực triển khai công việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả;

c) Có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

d) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

Chương III

XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ DỰ ÁN HÀNG HẢI

Điều 8. Nguyên tắc xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải

1. Việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

2. Khi chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trường hợp viên chức chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản

lý dự án hàng hải theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này thì thực hiện như sau:

a) Nếu viên chức còn thời hạn dưới 05 năm (60 tháng) công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu thì tiếp tục được giữ ngạch hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương theo ngạch hiện hưởng;

b) Nếu viên chức còn thời hạn từ 05 năm (60 tháng) công tác trở lên, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) cơ quan sử dụng viên chức có trách nhiệm bố trí để viên chức học tập đảm bảo đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải theo quy định tại Thông tư này. Sau thời gian quy định tại điểm này, nếu viên chức không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét bố trí công việc khác phù hợp hoặc giải quyết chế độ chính sách theo quy định.

2. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

3. Việc chuyển xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải đang xếp lương ở ngạch công chức, viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

a) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng I, mã số V.12.41.01 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A3, nhóm 1 (A3.1);

b) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng II, mã số V.12.41.02 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A2, nhóm 1 (A2.1);

c) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng III, mã số V.12.41.03 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A1;

d) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án hàng hải hạng IV, mã số V.12.41.04 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A0.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵

⁵ Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:
 - a) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 38/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tìm kiếm cứu nạn hàng hải, thông tin an ninh hàng hải;
 - b) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;
 - c) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 40/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng hải;
 - d) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 41/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án hàng hải;
 - đ) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường thủy;
 - e) Điểm c khoản 2 Điều 1, điểm c khoản 3 Điều 1, điểm c khoản 4 Điều 1, điểm c khoản 5 Điều 1 Thông tư số 44/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2020/TT-BGTVT ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ hàng không;
 - g) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm;
 - h) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;
 - i) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật bến phà;
 - k) Khoản 4 Điều 4, khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 49/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường sắt.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận: 

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.

BỘ XÂY DỰNG
XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Sang